

NGHIÊN CỨU TÁC ĐỘNG CỦA ĐẦU TƯ CÔNG VÀ TƯ NHÂN ĐẾN TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ VÙNG BẮC TRUNG BỘ

RESEARCH ON THE IMPACT OF PUBLIC AND PRIVATE INVESTMENT ON ECONOMIC GROWTH IN THE NORTH CENTRAL REGION

Ngày nhận bài: 29/07/2024

Ngày nhận bản sửa: 14/09/2024

Ngày chấp nhận đăng: 16/09/2024

Trần Thị Hồng Lam

TÓM TẮT

Bài viết tập trung nghiên cứu tác động đầu tư công và đầu tư tư nhân đến tăng trưởng kinh tế vùng Bắc Trung Bộ (BTB) trong giai đoạn 2010-2023. Nghiên cứu sử dụng phương pháp ước lượng OLS, REM, FEM với dữ liệu điều tra từ Tổng cục thống kê Việt Nam cũng như niên giám thống kê các tỉnh. Kết quả nghiên cứu cho thấy, đầu tư công và đầu tư tư nhân đều tác động tích cực đến tăng trưởng kinh tế vùng Bắc Trung Bộ, trong đó đầu tư công có tác động mạnh hơn đầu tư tư nhân. Ngoài ra, nghiên cứu còn chỉ ra rằng, tăng trưởng kinh tế vùng Bắc Trung Bộ còn chịu tác động bởi các yếu tố như lực lượng lao động và vốn con người, với lực lượng lao động có tác động tích cực và mạnh hơn so với vốn con người.

Từ khóa: Đầu tư công; Đầu tư tư nhân; Tăng trưởng kinh tế; Vùng Bắc Trung Bộ.

ABSTRACT

The paper focuses on examining the impact of public investment and private investment on economic growth in the North Central Region during the period 2010-2023. The study applies OLS, REM and FEM estimation methods, using data from the General Statistics Office of Vietnam and provincial statistical yearbooks. The results indicate that both public and private investments have positive impacts on the economic growth of the North Central Region, with public investment exerting a stronger influence than private investments. Additionally, the study reveals that economic growth in the North Central Region is also influenced by factors such as the labor force and human capital, with the labor force having a more significant and positive effect than human capital.

Keywords: Public investment; Private investment; Economic growth; North Central Region.

1. Giới thiệu

Tăng trưởng kinh tế luôn là ưu tiên hàng đầu, và vốn đầu tư, bao gồm đầu tư công (ĐTC) và đầu tư tư nhân (ĐTTN), đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy tăng trưởng kinh tế dài hạn. Đầu tư công, thực hiện bởi nhà nước, chủ yếu tập trung vào xây dựng cơ sở hạ tầng và cung cấp dịch vụ công cộng, góp phần cải thiện chất lượng cuộc sống và hỗ trợ hoạt động kinh tế. Đồng thời, ĐTC giúp nhà nước định hướng phát triển các ngành công nghiệp và lĩnh vực quan trọng, từ đó thúc đẩy sự phát triển bền vững và cân bằng. Trong khi đó, đầu tư tư

nhân, thực hiện bởi các doanh nghiệp và cá nhân, đóng vai trò là động lực chủ yếu trong việc tăng cường năng lực sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm dịch vụ, thúc đẩy sự đổi mới sáng tạo. ĐTTN không chỉ tạo ra nhiều cơ hội việc làm, giúp giảm tỷ lệ thất nghiệp mà còn nâng cao thu nhập cho người lao động. Các lý thuyết về kinh tế và nghiên cứu thực tế ở nhiều quốc gia đã chứng minh ĐTC, ĐTTN đều có tác động tích cực đến

Trần Thị Hồng Lam, Trường Kinh tế - Trường Đại học Vinh

Email: tthlam@vinhuni.edu.vn

tăng trưởng kinh tế, nhưng mức độ và cách thức tác động có thể khác nhau, tùy theo bối cảnh và điều kiện kinh tế cụ thể của từng khu vực.

Khu vực Bắc Trung Bộ (BTB) đóng vai trò chiến lược trong sự phát triển kinh tế của Việt Nam, đặc biệt trong bối cảnh các quốc gia và vùng lãnh thổ đang nỗ lực đạt được sự phát triển bền vững. Trong giai đoạn 2010-2023, vùng Bắc Trung Bộ đã trải qua sự gia tăng đáng kể về GDP, từ 151.498 tỷ VND năm 2010 lên 425.633,97 tỷ VND năm 2023. Quá trình phản ánh sự phát triển mạnh mẽ này có sự đóng góp quan trọng từ ĐTC và ĐTTN. Cơ cấu vốn đầu tư vùng BTB đã có sự thay đổi rõ rệt, với sự gia tăng mạnh mẽ của ĐTTN. Tỷ lệ ĐTTN trong tổng vốn đầu tư đã tăng từ 59,2% năm 2010 lên 76,85% năm 2023, trong khi tỷ lệ ĐTC giảm từ 40,8% xuống còn 23,15% cùng giai đoạn. Sự dịch chuyển cho thấy vai trò ngày càng quan trọng của khu vực tư nhân trong việc thúc đẩy tăng trưởng kinh tế vùng BTB. Thêm vào đó, Quyết định quy hoạch vùng BTB và duyên hải miền Trung cho giai đoạn 2021-2030, với tầm nhìn đến năm 2050, đã xác định rõ mục tiêu phát triển bền vững, tạo ra một khuôn khổ chính sách cho sự phát triển dài hạn.

Vì vậy, nghiên cứu tác động của đầu tư công, đầu tư tư nhân đến tăng trưởng kinh tế vùng Bắc Trung Bộ là cần thiết. Nghiên cứu sẽ cung cấp cơ sở khoa học cho quyết định chính sách kinh tế và chiến lược phát triển kinh tế dài hạn của vùng. Cụ thể, bài viết tập trung vào: (1) Phân tích thực trạng vốn đầu tư công, đầu tư tư nhân, tăng trưởng kinh tế vùng Bắc Trung Bộ từ năm 2010 đến 2023; (2) Đánh giá tác động cụ thể của từng loại vốn đầu tư đến GDP của vùng; (3) Đưa ra kết luận và đề xuất các giải pháp chính sách để thúc đẩy tăng trưởng kinh tế bền vững vùng Bắc Trung Bộ.

2. Cơ sở lý thuyết và phương pháp nghiên cứu

2.1. Cơ sở lý thuyết

Các lý thuyết và mô hình tăng trưởng kinh tế đã trải qua nhiều giai đoạn phát triển và cải tiến, từ các lý thuyết cổ điển, tân cổ điển, mô hình tăng trưởng nội sinh. Việc hiểu rõ các mô hình sẽ giúp chúng ta có cái nhìn toàn diện hơn về yếu tố ảnh hưởng đến tăng trưởng kinh tế và cách thức tối ưu hóa các nguồn lực để đạt được sự phát triển bền vững. Mô hình cổ điển với các nhà kinh tế học Adam Smith, David Ricardo và Karl Marx tạo một nền tảng quan trọng cho lý thuyết tăng trưởng kinh tế. Họ chỉ ra rằng, vốn đầu tư đóng vai trò quan trọng như một động lực chính ảnh hưởng đến tăng trưởng kinh tế. Mô hình tân cổ điển cho rằng, tăng trưởng bền vững đạt được nhờ vào việc tích lũy vốn đầu tư vào các lĩnh vực sản xuất, cùng với sự gia tăng nguồn lực lao động và cải thiện năng suất lao động thông qua tiến bộ công nghệ. Solow (1956) phát triển mô hình tân cổ điển nhấn mạnh vai trò của tích lũy vốn và tiến bộ công nghệ trong tăng trưởng kinh tế, Swan (1956) tập trung vào tích lũy vốn và năng suất lao động. Mô hình tăng trưởng nội sinh, được phát triển bởi các nhà kinh tế như Paul Romer và Robert Lucas. Romer (1990) nhấn mạnh vai trò của đầu tư vào nghiên cứu và phát triển (R&D) và vốn con người trong tăng trưởng kinh tế, Lucas (1988) tập trung vào vai trò của vốn con người và quá trình học hỏi trong tăng trưởng kinh tế.

Các nghiên cứu thực nghiệm trong nước và quốc tế đã chỉ ra tác động của đầu tư công, đầu tư tư nhân đến tăng trưởng kinh tế thông qua các phạm vi không gian, thời gian và phương pháp phân tích đa dạng.

Các nghiên cứu quốc tế như Kandenge (2010) đã sử dụng mô hình ECM để nghiên cứu tác động đầu tư công và đầu tư tư nhân tới tăng trưởng kinh tế Namibia trong khoảng

thời gian 1970- 2005. Kết quả cho thấy cả hai loại đầu tư đều có tác động đến tăng trưởng kinh tế trong ngắn và dài hạn. Nghiên cứu của Makuyana và Odhiambo (2019) tại Malawi từ năm 1970 đến năm 2014, sử dụng mô hình ARDL, cho thấy đầu tư tư nhân đóng góp lớn vào tăng trưởng kinh tế. Cụ thể, khi đầu tư tư nhân tăng 1%, tăng trưởng kinh tế Malawi tăng 0,23%. Tuy nhiên, đầu tư công không có tác động dài hạn. Trong ngắn hạn, đầu tư công vào cơ sở hạ tầng có hệ số âm (-0,478) và có ý nghĩa thống kê, cho thấy có thể làm ảm đạm đầu tư tư nhân. Ngược lại, trong dài hạn, hệ số này chuyển sang dương (0,479) và có ý nghĩa thống kê, chứng minh đầu tư công vào cơ sở hạ tầng thúc đẩy đầu tư tư nhân. Ahamed (2022) sử dụng mô hình REM, FEM, P.OLS với dữ liệu 39 quốc gia đang phát triển ở 04 châu lục giai đoạn 1990-2019, kết luận rằng đầu tư công và tư nhân đều đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy tăng trưởng và phát triển kinh tế. Tương tự, Akinlo (2022) đã nghiên cứu tăng trưởng kinh tế của Nigeria trong hai giai đoạn suy thoái và mở rộng, bằng phương pháp MSM và dữ liệu giai đoạn 1970-2016, xác nhận tầm quan trọng của đầu tư công và tư nhân đối với sự phát triển kinh tế.

Tại Việt Nam, Nguyễn Thị Thanh Nga (2016) kiểm tra tác động đầu tư công và đầu tư tư nhân đến tăng trưởng kinh tế của 15 nước đang phát triển Châu Á giai đoạn 1990-2014, sử dụng mô hình REM. Kết quả cho thấy cả hai loại đầu tư đều có tác động tích cực đến tăng trưởng kinh tế, nhưng đầu tư công vượt 4% so với GDP sẽ tạo hiệu ứng làm ảm đạm đầu tư tư nhân trong nước. Bùi Quang Bình (2017) đã sử dụng phương pháp hồi quy OLS và 3SLS để phân tích tác động của vốn đầu tư công đến tăng trưởng kinh tế tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2005-2017. Kết quả nghiên cứu cho thấy, đầu tư công và đầu tư tư nhân đều có tác động dương đến tăng trưởng kinh tế thông qua hệ số lần lượt là 0,275 và 0,347.

Thông qua phương pháp 3SLS với hệ số hồi quy 0,275 hàm ý đầu tư công kích thích tăng trưởng sản lượng khu vực tư nhân. Nguyễn Thị Cảnh và cộng sự (2018) đã áp dụng phương pháp OLS đầy đủ và OLS động với dữ liệu từ 22 ngành kinh tế cấp 1 của Việt Nam, kết quả đầu tư công không chỉ thúc đẩy đầu tư tư nhân mà còn góp phần tăng trưởng GDP trong dài hạn. Nghiên cứu của Võ Trần Huy (2018) tại 36 tỉnh thành phố trực thuộc Việt Nam giai đoạn 2008-2016, sử dụng phương pháp OLS, REM, FEM. Kết quả khẳng định tác động tích cực của vốn đầu tư tư nhân, với mỗi 1% tăng thêm của vốn đầu tư tư nhân sẽ góp phần tăng trưởng kinh tế thêm 0,1%.

Các nghiên cứu này cung cấp bằng chứng thực nghiệm, đa chiều về vai trò quan trọng của đầu tư công và tư nhân trong việc thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, đồng thời giúp xác định các yếu tố cần thiết để tối ưu hóa hiệu quả của các loại vốn đầu tư trong bối cảnh kinh tế mới.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

2.2.1. Phương pháp phân tích

Nghiên cứu phân tích tác động đầu tư công và đầu tư tư nhân đến tăng trưởng kinh tế vùng Bắc Trung Bộ kết hợp cả phương pháp phân tích định tính và phương pháp định lượng để đưa ra kết luận chính xác và giá trị thực tiễn cao. Phân tích định tính gồm tổng hợp các kết quả nghiên cứu trước cùng chủ đề và xem xét các điều kiện để có thể vận dụng cho nghiên cứu. Bên cạnh đó, phân tích thực trạng và xem xét tình hình đầu tư công, đầu tư tư nhân, tăng trưởng kinh tế vùng Bắc Trung Bộ làm cơ sở cho phân tích định lượng.

Phân tích định lượng sẽ kiểm tra số liệu thống kê, đánh giá về xu hướng tác động của đầu tư công, đầu tư tư nhân đến tăng trưởng kinh tế vùng Bắc Trung Bộ. Từ đó, sử dụng

mô hình kinh tế lượng để ước lượng tác động này, với tăng trưởng kinh tế là biến phụ thuộc, các biến độc lập lần lượt là: đầu tư công, đầu tư tư nhân, lao động và vốn con người. Với đặc thù phạm vi nghiên cứu là vùng Bắc Trung Bộ gồm 6 tỉnh thành và thời gian từ năm 2010 đến 2023, số liệu dạng bảng với mô hình dựa trên hàm Cobb-Douglass và chuyển sang dạng Logarit thập phân như sau:

$$\ln Y_{it} = \beta_0 + \beta_1 \ln IG_{it} + \beta_2 \ln IP_{it} + \beta_3 \ln L_{it} + \beta_4 H_{it} + \varepsilon_{it} \quad (1)$$

Bảng 1. Mô tả dữ liệu các biến

Tên biến	Ký hiệu	Diễn giải và cách tính
Tăng trưởng kinh tế	$\ln Y$	Đại diện tăng trưởng kinh tế, lấy logarit giá trị sản xuất vùng BTB và được tính theo giá năm 2010, đơn vị tỷ VND
Đầu tư công	$\ln IG$	Đại diện cho biến đầu tư công, IG là giá trị vốn sản xuất của khu vực công (hình thành đầu tư công) và được tính đơn vị tỷ VND, điều chỉnh theo giá năm 2010, dưới dạng logarit.
Đầu tư tư nhân	$\ln IP$	Đại diện cho biến đầu tư tư nhân, IP là giá trị vốn sản xuất của khu vực tư nhân (hình thành từ đầu tư tư nhân trong nước và đầu tư trực tiếp nước ngoài), được tính đơn vị tỷ VND và điều chỉnh theo giá năm 2010, dưới dạng logarit.
Lao động	$\ln L$	Đại diện cho biến lao động làm việc trong nền kinh tế và được tính bằng số lượng lao động trên 15 tuổi làm việc trong nền kinh tế. Đơn vị tính lao động làm việc nền kinh tế bằng nghìn người, lấy logarit.
Vốn con người	H	Đại diện cho biến vốn con người, được xác định bằng tỷ lệ lao động qua đào tạo, tính bằng %

2.2.2. Phương pháp thu thập số liệu

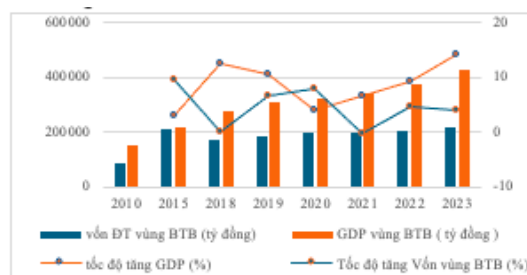
Nghiên cứu sử dụng số liệu thứ cấp cho phân tích vĩ mô chủ yếu tổng hợp và xử lý từ Niên giám thống kê từ 06 tỉnh vùng Bắc Trung Bộ (Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế), từ Cục thống kê, báo cáo kinh tế xã hội hàng năm trong giai đoạn 2010-2023 và các luận văn, luận án, nghiên cứu khoa học về đề tài liên quan.

Trên cơ sở bộ dữ liệu đã xử lý, tác giả tiến hành sử dụng phần mềm STATA để chạy dữ liệu bằng các phương pháp ước lượng dữ liệu bảng với phương pháp hồi quy OLS, REM, FEM và sử dụng kiểm định Hausman test để lựa chọn phương pháp ước lượng phù hợp.

3. Kết quả nghiên cứu

3.1. Thực trạng đầu tư công, đầu tư tư nhân và tăng trưởng kinh tế vùng Bắc Trung Bộ

Trong giai đoạn 2010-2023, nền kinh tế vùng BTB đang có sự tăng trưởng vượt trội, từ 151.498 tỷ VND năm 2010 lên 425.633 tỷ VND năm 2023. Quy mô kinh tế của vùng BTB đã mở rộng, cải thiện tình hình kinh tế của vùng.

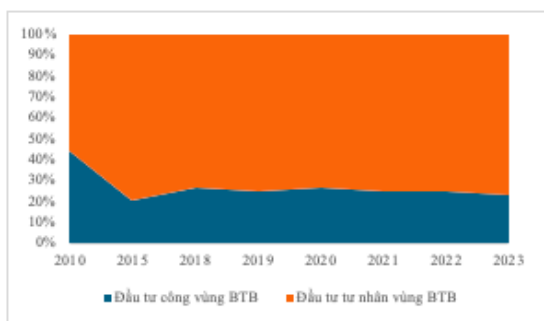


Hình 1: Tổng đầu tư và tăng trưởng kinh tế Vùng BTB giai đoạn 2010-2023

Nguồn: Tác giả tổng hợp và tính toán

Hình 1 cho thấy sự tăng trưởng đáng kể về vốn đầu tư và GDP của vùng BTB từ năm 2010 đến năm 2023. Vốn đầu tư vùng BTB tăng mạnh, từ 86.445,76 tỷ VND năm 2010 lên 215.214,1 tỷ VND năm 2023. Mặc dù có những giai đoạn suy giảm như năm 2018 và

2021, nhưng nhìn chung, xu hướng tăng trưởng vốn đầu tư vẫn được duy trì. GDP của vùng BTB cũng liên tục tăng, từ 151.498 tỷ VND năm 2010 lên 425.633,97 tỷ VND năm 2023, với những năm tăng trưởng vượt bậc như năm 2018 tăng 12,51% và năm 2023 tăng 14,31%. Tuy nhiên, mức tăng trưởng thấp nhất được ghi nhận vào năm 2020, chỉ đạt 4,1%, do tác động của đại dịch COVID-19. Trong giai đoạn 2010-2023, vùng BTB tiếp tục duy trì sự tăng trưởng kinh tế tích cực, nhờ sự gia tăng vốn đầu tư công và đầu tư tư nhân.



Hình 2: Cơ cấu vốn đầu tư vùng BTB

Nguồn: Tác giả tổng hợp và tính toán

Theo hình 2, cơ cấu vốn đầu tư tại vùng BTB từ năm 2010 đến năm 2023 có sự thay đổi rõ rệt. Đầu tư công giảm từ mức tỷ trọng 44,14% năm 2010 xuống còn 23,37% năm 2023. Đầu tư tư nhân tăng trưởng ổn định và chiếm phần lớn tỷ trọng, từ 55,86% năm 2010 lên 76,63% năm 2023. Từ năm 2018 trở đi, tỷ lệ đầu tư tư nhân dao động nhẹ quanh mức 73%-77%, cho thấy sự gia tăng và ổn định của khu vực này. Giai đoạn 2010-2023 đánh dấu sự chuyển dịch mạnh mẽ trong cơ cấu vốn đầu tư của vùng BTB, từ đầu tư công sang đầu tư tư nhân. Đầu tư tư nhân chiếm tỷ trọng lớn và duy trì ổn định, dần trở thành động lực chính thúc đẩy tăng trưởng kinh tế của vùng. Đầu tư công chiếm tỷ trọng giảm dần nhưng vẫn đóng vai trò quan trọng cho tăng trưởng kinh tế.

3.2. Phân tích tác động đầu tư công, đầu tư tư nhân đến tăng trưởng kinh tế vùng Bắc Trung Bộ

Thông kê mô tả số liệu cơ bản về các biến trong mô hình ở bảng 2.

Bảng 2. Thông kê mô tả số liệu

	Trung bình	Độ lệch chuẩn	Giá trị bé nhất	Giá trị lớn nhất
LnY	10,415	0,763	6,952	11,926
LnIG	8,002	0,810	4,641	9,615
LnIP	8,973	0,898	5,395	10,641
LnL	7,725	0,774	6,129	9,400
H	21,227	4,831	10,100	31,300

Nguồn: Xử lý từ số liệu từ NGTK các tỉnh Vùng BTB

Biến phụ thuộc LnY có giá trị nhỏ nhất là 6,952, giá trị lớn nhất là 11,926 và giá trị trung bình 10,415. Thông kê mô tả các biến khác được sử dụng trong mô hình có thể thấy số liệu cơ bản là không có sự phân tán và có thể sử dụng cho phân tích. Với mô hình (1) khi sử dụng số liệu chuỗi thời gian có vấn đề độ trễ của biến đầu tư và tăng trưởng kinh tế nảy sinh khi tiến hành ước lượng. Do vậy, kiểm định tính dừng của các biến của mô hình thông qua kiểm định ADF- test Statistic.

Bảng 3. Kiểm định tính dừng các biến của mô hình

Biến	Kết quả kiểm định ADF	Giá trị thống kê t (Interpolated Dickey-Fuller) ở mức			Xác suất
		1% Critical	5% Critical	10% Critical	
LnY0	-3,848	-4,077	-3,467	-3,16	0,0143
LnIG	-3,936	-4,077	-3,467	-3,16	0,0108
LnIP	-4,092	-4,077	-3,467	-3,16	0,0065
LnL	-3,545	-4,077	-3,467	-3,16	0,0348
H	-4,664	-4,077	-3,467	-3,16	0,0008

Nguồn: Xử lý từ số liệu từ NGTK các tỉnh Vùng BTB

Kết quả kiểm định bảng 3 cho thấy, các chuỗi dữ liệu gốc đều là chuỗi dừng với phương sai bậc 0 và mức ý nghĩa 1%, 5%.

Bảng 4. *Kết quả ước lượng*

	OLS	REM	FEM
Biến phụ thuộc – TTKT -LnY0			
LnIG	0,371*** (0,060)	0,464*** (0,058)	0,471*** (0,062)
LnIP	0,204*** (0,059)	0,223*** (0,056)	0,224*** (0,057)
LnL	0,379*** (0,059)	0,250** (0,061)	0,223** (0,077)
H	0,013** (0,005)	0,022** (0,006)	0,024** (0,008)
Hệ số góc	2,414*** (0,209)	2,299*** (0,338)	2,394*** (0,512)
Số quan sát	84	84	84
R – squared	0,9501	0,9154	0,9156
Prob>F	0,000	0,000	0,000
Vif	5,73	4,88	4,88
Durbin-Watson	1,203598	1,401789	1,401789
Hausman test			0,0056

*Ghi chú: trong () là độ lệch chuẩn, ***, **, * là mức ý nghĩa 1%, 5% và 10%*

*Nguồn: Xử lý từ số liệu từ NGTK các tỉnh
Vùng BTB*

Bảng 4 cung cấp kết quả kiểm định ước lượng theo phương pháp OLS, REM và FEM. Ba phương pháp đều cho kết quả biến đầu tư công, đầu tư tư nhân, lao động và vốn con người có tác động đến tăng trưởng kinh tế với mức ý nghĩa 1%, 5%. Dựa trên kết quả kiểm định Hausman test bằng 0,0056, nghiên cứu đã lựa chọn phương pháp ước lượng theo mô hình FEM. Kết quả từ mô hình FEM cho thấy, giá trị Prob > F = 0,000 nhỏ hơn 5%, cùng chỉ số R-squared đạt 91,56%, lớn hơn 50%. Điều này khẳng định mô hình có ý nghĩa thống kê và độ tin cậy cao trong việc giải thích các biến số. Kiểm định VIF trung bình là 4,88, xác nhận rằng mô hình không gặp vấn đề nghiêm trọng về đa cộng tuyến.

Giá trị kiểm định Durbin – Watson là 1,401789 chứng minh mô hình FEM không bị ảnh hưởng bởi hiện tượng tự tương quan. Các kiểm định thống kê đều chứng minh rằng mô hình ước lượng FEM phù hợp và đáng tin cậy để phân tích mối quan hệ giữa các biến trong nghiên cứu.

Từ kết quả ước lượng bảng 4, có một số nhận xét sau: đầu tư công và đầu tư tư nhân đều có tác động tích cực đến tăng trưởng kinh tế. Cụ thể, hệ số hồi quy là 0,471 cho biết nếu vốn đầu tư công tăng 1% thì tăng trưởng GDP vùng BTB sẽ tăng 0,471%. Điều này cho thấy đầu tư công có tác động mạnh mẽ đến tăng trưởng kinh tế. Tương tự, hệ số hồi quy là 0,224 cho biết nếu vốn đầu tư tư nhân tăng 1% thì tăng trưởng GDP vùng BTB tăng 0,224%. Mặc dù tác động của đầu tư tư nhân cũng tích cực nhưng không mạnh mẽ bằng đầu tư công. Ngoài ra, lao động và vốn con người cũng có tác động dương đến tăng trưởng kinh tế. Hệ số hồi quy biến LnL là 0,223 có nghĩa là khi các điều kiện khác không đổi, nếu lao động tăng 1% thì GDP tăng 0,223%. Vốn con người cũng có tác động tích cực, với hệ số hồi quy là 0,024 có nghĩa là khi các yếu tố khác không đổi, vốn con người tăng 1% sẽ dẫn đến GDP tăng 0,024%. Hằng số là 2,394 giải thích khi các yếu tố khác không đổi thì tăng trưởng GDP vùng BTB vẫn đạt 2,394%. Những kết quả này cho thấy đầu tư công, đầu tư tư nhân đều có vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, với đầu tư công có tác động mạnh mẽ hơn. Lao động và vốn con người cũng đóng góp tích cực và tác động của vốn con người nhỏ hơn.

4. Kết luận

Nghiên cứu áp dụng phương pháp OLS, REM, FEM để đánh giá tác động của đầu tư công và đầu tư tư nhân lên tăng trưởng kinh tế vùng BTB bằng dữ liệu 6 tỉnh vùng BTB trong khoảng thời gian 14 năm (2010-2023).

Kết quả nghiên cứu chỉ ra rằng, đầu tư công và đầu tư tư nhân đều có tác động tích cực đến tăng trưởng kinh tế vùng BTB. Đầu tư công có tác động mạnh mẽ hơn với hệ số hồi quy 0,471. Đầu tư tư nhân cũng có tác động tích cực nhưng mức độ thấp hơn, với hệ số hồi quy là 0,224. Lao động và vốn con người cũng đóng góp tích cực, với hệ số hồi quy lần lượt là 0,223 và 0,024 nhưng tác động vốn con người nhỏ hơn. Kết quả nhấn mạnh vai trò quan trọng của đầu tư công trong việc thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, đồng thời khẳng định sự đóng góp tích cực của đầu tư tư nhân, lao động và vốn con người. Từ đây, tác giả sẽ đưa ra một số gợi ý, chính sách cụ thể:

Thứ nhất, trong tương lai đầu tư công vẫn là yếu tố quan trọng cho tăng trưởng kinh tế vùng BTB. Cần cơ cấu lại các doanh nghiệp nhà nước của vùng, theo hướng tập trung trọng tâm, vùng BTB trở thành khu vực tăng trưởng quan trọng về công nghiệp, dịch vụ cảng biển, hướng tới trung tâm phát triển công nghiệp của Vùng và cả nước. Các tỉnh vùng BTB cần có kế hoạch đầu tư công dài hạn mang tính chiến lược để đảm bảo hiệu quả cho đầu tư công, giảm thiểu sự bất ổn cho các dự án đầu tư công.

Thứ hai, đầu tư tư nhân vùng BTB có vai trò lớn trong việc kích thích tăng trưởng kinh tế, nhất là nguồn vốn FDI còn mang lại

công nghệ mới cho vùng. Chính sách của các địa phương nơi đây cần tạo động lực cho khu vực tư nhân trong nước và thu hút đầu tư nước ngoài phát triển ngoài các chính sách của nhà nước. Đây là nguồn lực chiếm tỷ trọng lớn và có tiềm năng rất lớn để huy động vào tăng trưởng kinh tế. Tỉnh Thanh Hóa, Nghệ An đã có sự cải thiện trong việc thu hút đầu tư nước ngoài, cần liên kết vùng BTB để các tỉnh còn lại cải thiện việc thu hút này.

Thứ ba, vùng Bắc Trung Bộ có lực lượng lao động lớn nhưng còn tồn tại tình trạng di cư lao động nhiều. Cần cải thiện thu nhập cho người lao động bằng các chương trình đào tạo nghề, nâng cao kỹ năng cho người lao động, khuyến khích chính sách thu hút và giữ chân nhân tài. Việc lao động đáp ứng yêu cầu sẽ thu hút được nhiều dự án đầu tư vào địa phương, dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài.

Thứ tư, đối với vùng BTB, vốn con người đóng vai trò quan trọng trong khai thác hiệu quả tiềm năng, lợi thế vùng. Các tỉnh nơi đây cần nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo, tăng cường liên kết giữa doanh nghiệp và cơ sở đào tạo. Lao động qua đào tạo, có trình độ chuyên môn sẽ góp phần khai thác hiệu quả về tiềm năng, lợi thế vốn có của vùng BTB, tạo môi trường đầu tư hấp dẫn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Ahamed, F. (2022), *Impact of public and Private investments on Economic growth of developing countries*, Graduate Research theses & Dissertations, Northern Illinois University.
- Akinlo, A.E. (2022), *Impact of public and private investment on economic growth in Nigeria: A markov regime- Switching approach*, Review of innovation and competitiveness, 8, 41-61.
- Bùi Quang Bình (2017), Tác động từ vốn đầu tư công tới tăng trưởng kinh tế Tây Nguyên-Trường hợp tỉnh Đắk Nông, *Tạp chí Kinh tế và Phát triển*, 243, 90-96.
- Cục thống kê (2010- 2023), *Niên giám thống kê tỉnh*, Hà Tĩnh.
- Cục thống kê (2010- 2023), *Niên giám thống kê tỉnh*, Nghệ An.
- Cục thống kê (2010- 2023), *Niên giám thống kê tỉnh*, Quảng Bình.

- Cục thống kê (2010- 2023), *Niên giám thống kê tỉnh*, Quảng Trị.
- Cục thống kê (2010- 2023), *Niên giám thống kê tỉnh*, Thanh Hóa.
- Cục thống kê (2010- 2023), *Niên giám thống kê tỉnh*, Thừa Thiên Huế.
- Kandenge, F.T. (2010), Public and Private Investment and Economic Growth in Namibia (1970 - 2005), *The Botswana Journal Of Economics*, 7(11), 2-15.
- Lucas, R. (1988), On the Mechanics of Economic Development, *Journal of Monetary Economics*, 22, 3-42.
- Makuyana,G. & Odhiambo, M.N. (2019), ‘Public and private investment and economic growth in Malawi: an ARDL-bounds testing approach’, *Economic research- Ekonomska istraživanja*, 32(1), 673-689.
- Nguyễn Thị Cành, Nguyễn Thanh Liêm & Nguyễn Thị Thùy Liên (2018), ‘Tác động của đầu tư công đến thu hút đầu tư tư nhân và tăng trưởng kinh tế tại Việt Nam’, *Tạp chí Khoa học Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh*, 13(2), 91-105.
- Nguyễn Thị Thanh Nga (2016), *Tác động đầu tư công và đầu tư tư nhân đến tăng trưởng kinh tế: Bằng chứng thực nghiệm từ các quốc gia đang phát triển ở châu Á*, Luận văn thạc sĩ trường Đại học kinh tế - Thành phố Hồ Chí Minh.
- Romer, P.M. (1990), Endogenous Technological Change, *Journal of Political Economy*, University of Chicago Press, 98(5), 71-102.
- Solow, R.M. (1956), A Contribution to the Theory of Economic Growth, *The Quarterly Journal of Economic*, President and Fellows of Harvard College, 70(1), 65-94.
- Swan, T.W. (1956), Economic Growth and capital accumulation, *The economic Record*, The Economic Society of Australia, 32(2), 334-361.
- Tổng Cục thống kê (2010-2023), *Niên giám thống kê*, Hà Nội.
- Thủ tướng Chính phủ (2024), *Quyết định số 376/QĐ-TTg phê duyệt Quy hoạch vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050*, ban hành ngày 04 tháng 5 năm 2024.
- Võ Trần Huy (2018), *Tác động của đầu tư tư nhân đến tăng trưởng kinh tế*, luận văn thạc sĩ Trường đại học Kinh tế- TP. Hồ Chí Minh.